

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 393/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/08/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ S Hùng.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: Số 94, tổ 4, ấp LĐ, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn G, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: Số nhà 130 tổ 04, ấp KC, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Chị H có mặt, anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết H trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị H và anh Đoàn Văn G tự nguyện chung sống vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH vào năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, từ đó vợ chồng đã sống ly thân trên hai năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H xin ly hôn với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Đoàn Thị Hồng L, sinh ngày 15/02/1999, Đoàn Hồng S, sinh ngày 01/01/2001 và Đoàn Thị Hồng Đ, sinh ngày 23/01/2003. Hiện các con đang chung sống với chị H; con chung tên Đoàn Thị Hồng L đã thành niên và có khả năng lao động được nên chị H không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung tên Đoàn Hồng S và Đoàn Thị Hồng Đ chị xin nuôi và không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Đoàn Văn G vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật trong tố tụng. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về con chung tên Đoàn Thị Hồng L đã thành niên và tự lập được nên không xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Đoàn Hồng S và Đoàn Thị Hồng Đ giao cho chị H tiếp tục nuôi dạy theo nguyện vọng của các con là hợp lý, về cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị Trần Thị Tuyết H yêu cầu xin ly hôn với anh Đoàn Văn G và yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, về tài sản chung và nợ chung chị H khai không có, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện CP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị Trần Thị Tuyết H làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị H có mặt, anh G vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Trần Thị Tuyết H và anh Đoàn Văn G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa, chị H yêu cầu xin ly hôn với anh G, anh G vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh G thật sự đã đổ vỡ, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân trên 02 năm

nay, điều này thể hiện vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh G tham gia phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn, nhưng anh G vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện anh G không muốn đoàn tụ gia đình, do vậy việc chị H xin ly hôn với anh G là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Đoàn Thị Hồng L, sinh ngày 15/02/1999, Đoàn Hồng S, sinh ngày 01/01/2001 và Đoàn Thị Hồng Đ, sinh ngày 23/01/2003. Hiện các con đang chung sống với chị H; con chung tên Đoàn Thị Hồng L đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Đoàn Hồng S và Đoàn Thị Hồng Đ đang sống với chị H, chị H xin nuôi dạy. Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai con chung tên Đoàn Hồng S và Đoàn Thị Hồng Đ hiện đang chung sống với chị H và có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị H, do vậy Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Đoàn Hồng S và Đoàn Thị Hồng Đ cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí chị H phải chịu nói trên được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0017695 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Chị H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết H ly hôn với anh Đoàn Văn G.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Đoàn Hồng S, sinh ngày 01/01/2001 và Đoàn Thị Hồng Đ, sinh ngày 23/01/2003 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0017695 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã KH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu